

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/2006/NQ-HĐND

*Việt Trì, ngày 17 tháng 5 năm 2006***NGHỊ QUYẾT****Về Kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản  
tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ  
khoá XVI, Kỳ họp thứ bảy**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 33/2004/CT-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp - nông thôn 5 năm 2006 - 2010;

Sau khi xem xét Tờ trình số 549/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2006 của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách; và thảo luận,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1:** Tán thành thông qua Kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010. Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số nội dung sau:

**1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản giai đoạn 2001 - 2005**

Thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2001 - 2005 sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá vững chắc, tương đối toàn diện, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cơ cấu GDP nông, lâm nghiệp - thủy sản tiếp tục chuyển dịch phù hợp theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Giá trị tăng thêm nông, lâm nghiệp - thủy sản (theo giá 1994) bình quân tăng 6,97% năm. Giá trị sản xuất bình quân tăng 8,1% năm. Giá trị sản phẩm trồng trọt - thủy sản bình quân/ha đất sản xuất đạt 25 triệu đồng năm 2005. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: Trồng trọt giảm từ 72% xuống 63%, chăn nuôi tăng từ 25,6% lên 34%, lâm nghiệp giảm từ 9,1% xuống 8,8%, thủy sản tăng từ 4,4% lên 4,5%. Cơ cấu lao động trong nông nghiệp giảm từ 79,8% xuống 72,2%.

Một số chương trình nông nghiệp trọng điểm đạt và vượt mục tiêu đề ra:

- Lương thực: Sản lượng lương thực cây có hạt đạt 43,07 vạn tấn, tăng 10,58 vạn tấn so với năm 2000. Lương thực bình quân đầu người tăng từ 254,8 kg lên 324,2 kg.

- Phát triển chè: Diện tích đạt 12,62 ngàn ha, tăng 59,9%; sản lượng chè búp tươi tăng 40,2 ngàn tấn; chè qua chế biến tăng 18,29 ngàn tấn, so với năm 2000.

- Chăn nuôi: Phát triển khá, tổng đàn bò tăng 28,6%, phong trào chăn nuôi bò thịt bước đầu thu được kết quả, có triển vọng phát triển tốt; đàn trâu tăng 9,8%; đàn lợn tăng 26,7%; đàn gia cầm tăng 20,2%, so với năm 2000.

- Lâm nghiệp: Trồng mới được 27,7 ngàn ha rừng tập trung; khoanh nuôi, bảo vệ 38 - 40 ngàn ha, nâng độ che phủ rừng từ 35,8% năm 2000 lên 45,2% năm 2005.

- Thủy sản: Diện tích nuôi trồng tăng 57,6%, sản lượng nuôi trồng tăng 66,3%, so năm 2000.

Đầu tư nguồn lực phát triển nông nghiệp giai đoạn 2001 - 2005 là 708,9 tỷ đồng. Kết quả đạt được:

- Về thủy lợi: Nâng cấp, cải tạo xây mới 76 trạm bơm; hồ đập 125 cái; hệ thống kênh tưới kiên cố hoá 646 km. Diện tích tưới chủ động 2 vụ tăng từ 34 ngàn ha (năm 2000) lên 45 ngàn ha (năm 2005) tăng 26,4%, tiêu chủ động 2 vụ từ 5 ngàn ha lên 7,5 ngàn ha.

- Các trạm trại: Những năm qua đã xây dựng và nâng cấp Trại giống lợn cấp I, Trại giống cây lương thực, cây ăn quả, Trại giống thủy sản cấp I.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực được chú trọng: 5 năm qua đã đào tạo được 5.738 học sinh trung cấp và đại học tại chức với các ngành học trồng trọt, chăn nuôi thú y, quản lý đất đai, kinh tế,...

Quan hệ sản xuất được củng cố và đổi mới, kinh tế trang trại phát triển; công tác dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp - thủy sản đáp ứng cho tốc độ tăng trưởng của sản xuất, hạn hán, lũ lụt, lở bão, sâu bệnh, dịch hại,... được khắc phục kịp thời.

Sản xuất nông nghiệp phát triển đã góp phần phát triển kinh tế, ổn định tình hình chính trị - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, phát triển nông nghiệp - nông thôn vẫn còn những khó khăn thách thức: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong nội bộ ngành, chuyển dịch lao động nông nghiệp chậm, chưa vững chắc. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp chưa cao; sản phẩm hàng hoá ít, sức cạnh tranh hạn chế. Việc gắn kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn nhiều bất cập. Chưa có được những mô hình ứng dụng công nghệ cao, những điển hình sản xuất nổi trội, nhiều mô hình chậm được tổng kết đánh giá để có giải pháp nhân rộng trong sản xuất. Cơ sở hạ tầng trong nông nghiệp - nông thôn còn thiếu, yếu chưa đồng bộ, xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất hàng hoá.

## 2. Kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp-thủy sản giai đoạn 2006-2010

## 2.1. Mục tiêu

- Phát triển nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, hiệu quả, bền vững và tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - nông thôn, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá- hiện đại hoá, sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ.
- Phát triển sản xuất theo hướng tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập bình quân đầu người, cải thiện đời sống dân cư nông thôn, xoá đói giảm nghèo, góp phần ổn định chính trị - xã hội sớm đưa Phú Thọ thoát ra khỏi tình nghèo.

## 2.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản tăng bình quân trên 5%/năm. Tỷ trọng kinh tế nông lâm thủy sản trong GDP toàn tỉnh đạt 18 - 19% năm 2010. Giá trị sản phẩm trồng trọt - thủy sản bình quân/ha đất sản xuất đạt trên 32 triệu đồng.
- Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: Đối với ngành trồng trọt giảm tỷ trọng xuống còn 59 - 60%; tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi lên 38 - 40%; dịch vụ 3,0%.
- Sản lượng lương thực cây có hạt đạt 45 - 46 vạn tấn, bình quân lương thực đầu người 330 kg/người/năm.
- Phát triển chè: Diện tích đạt 14 - 15 ngàn ha, trong đó cho sản phẩm 13 ngàn ha; sản lượng búp tươi 100 - 110 ngàn tấn. Cơ cấu chè giống mới chiếm 50 - 55%.
- Phát triển cây ăn quả: Diện tích đạt 12 ngàn ha, trong đó bưởi đặc sản Đoan Hùng 1.200 - 1.300 ha, Hồng không hạt 150 - 200 ha.
- Phát triển chăn nuôi: Phần đầu tổng đàn bò trên 140 ngàn con (trong đó cơ cấu giống bò lai chiếm 40 - 45% tổng đàn). Tổng đàn trâu 108 ngàn con. Tổng đàn lợn đạt 760 ngàn con (tỷ lệ nạc hoá chiếm 48 - 50%). Tổng đàn gia cầm 10 triệu con.
- Phát triển thủy sản: Phần đầu diện tích nuôi trồng đạt trên 10,2 ngàn ha, sản lượng 24 - 25 ngàn tấn.
- Thủy lợi: Diện tích tưới chủ động 31 - 32 ngàn ha (1 vụ), đạt 80% hiệu ích thiết kế; tiêu chủ động 13 - 15 ngàn ha (1 vụ).
- Một số chỉ tiêu khác:
  - + Cơ cấu lao động: Nông, lâm nghiệp 61 - 62%; Công nghiệp - Xây dựng 23 - 24%; Dịch vụ 15 - 16%.
  - + Cải thiện đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10% theo tiêu chí mới (vào năm 2010).
  - + Tỷ lệ hộ dân được dùng nước sạch đạt 85% (vào năm 2010).

## 2.3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

### **2.3.1. Triển khai thực hiện rà soát, điều chỉnh các quy hoạch và chỉ đạo các chương trình nông nghiệp trọng điểm**

#### **2.3.1.1. Triển khai rà soát, điều chỉnh các quy hoạch**

- Trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch nông, lâm nghiệp - thủy sản tỉnh Phú Thọ đến 2010, định hướng đến 2020; điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng.

- Quy hoạch thủy lợi: Đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi hiện có, bố trí lại hệ thống công trình thủy nông hợp lý, phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất và cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2006-2010, trọng tâm là thủy lợi vùng đồi. Xác định nhu cầu các công trình nâng cấp, cải tạo, xây mới hệ thống công trình thủy lợi giai đoạn 2006 - 2010.

#### **2.3.1.2. Tập trung chỉ đạo các chương trình nông nghiệp trọng điểm và bố trí các vùng sản xuất tập trung**

Tiếp tục thực hiện các chương trình sản xuất nông nghiệp trọng điểm hiện có, điều chỉnh chương trình sản xuất lương thực, chăn nuôi lợn xuất khẩu. Bổ sung chương trình chăn nuôi bò thịt.

- Chương trình phát triển lương thực: Chuyển diện tích đất trồng lúa úng trũng kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, diện tích cao hạn, không chủ động nước chuyển trồng cỏ cho chăn nuôi và cây có giá trị kinh tế cao hơn.

- Chương trình phát triển chè: Rà soát lại quỹ đất cho trồng mới. Xác định diện tích chè giống cũ, diện tích chè cần xấu phải đầu tư, cải tạo, trồng dặm hoặc trồng lại. Sắp xếp lại hệ thống các cơ sở chế biến chè theo hướng gắn với vùng nguyên liệu.

- Chương trình phát triển cây ăn quả: Chỉ đạo hoàn thành trồng mới Bưởi đặc sản Đoan Hùng, Hồng không hạt.

- Chương trình phát triển chăn nuôi: Tập trung đầu tư khâu giống, thức ăn, vệ sinh thú y. Trong đó trọng điểm là phát triển đàn bò thịt ở các huyện có ưu thế chăn nuôi đại gia súc.

- Chương trình phát triển thủy sản: Tổ chức chỉ đạo thực hiện đạt và vượt mục tiêu quy hoạch phát triển thủy sản giai đoạn 2006 - 2010 đã đề ra.

- Chương trình lâm nghiệp: Điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng (Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất) giảm diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu, tăng diện tích rừng sản xuất. Định hình 60 ngàn ha rừng nguyên liệu giấy. Xây dựng đề án phát triển cây lấy gỗ. Nâng độ che phủ rừng lên 48 - 50%.

### **2.3.2. Bố trí sản xuất nông, lâm nghiệp - thủy sản**

#### **2.3.2.1. Sản xuất lương thực**

- Tổng diện tích lúa 69 - 70 ngàn ha, ngô 20 - 22 ngàn ha, phần đầu năng suất lúa bình quân 52 - 53,8 tạ/ha, ngô 42 - 43 tạ/ha.

- Đẩy mạnh thâm canh, duy trì tỷ lệ diện tích lúa lai 32 - 35%, ngô lai trên 95%; mở rộng diện tích lúa cao sản, lúa chất lượng cao, diện tích trồng cây vụ đông.

#### 2.3.2.2. Phát triển chè

- Tiếp tục phát triển chè tại các huyện vùng trọng điểm. Trồng mới mở rộng diện tích 2.000 - 2.500 ha, trồng lại 1.000 ha, trồng dặm 1.900 ha.

- Về giống: Tiếp tục sử dụng 2 giống chè chủ lực là LDP1, LDP2 để trồng mới, trồng lại, trồng dặm. Đưa một số giống chè nhập nội chất lượng cao đã được khảo nghiệm và khuyến cáo vào trồng thử nghiệm quy mô hợp lý.

- Kỹ thuật: Đẩy mạnh đầu tư thâm canh, thực hiện tốt quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến.

- Thực hiện có hiệu quả dự án phát triển chè của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010 từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển của Cộng hoà Pháp (AFD).

#### 2.3.2.3. Cây ăn quả

- Trồng mới đảm bảo chỉ tiêu diện tích đã quy hoạch đối với Bưởi Đoan Hùng tại huyện Đoan Hùng, Hồng không hạt tại huyện Phù Ninh và thành phố Việt Trì; các huyện còn lại tiếp tục phát triển các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện sinh thái, theo lợi thế của từng địa phương.

- Về giống: Tổ chức sản xuất giống bằng phương pháp tiên tiến đối với các giống Bưởi đặc sản Đoan Hùng (vi ghép đỉnh sinh trưởng), giống ghép, dâm từ rễ Hồng không hạt.

- Kỹ thuật: Thực hiện tốt quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, đẩy mạnh đầu tư thâm canh, công tác phòng trừ dịch hại, bảo quản, chế biến; tăng cường quản lý chất lượng cây giống sản xuất và cung ứng.

#### 2.3.2.4. Phát triển rau, hoa cao cấp

Hình thành vùng sản xuất tập trung có quy mô hợp lý các loại rau, hoa cao cấp tại: Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ, các huyện: Lâm Thao, Phù Ninh, Hạ Hòa quy mô từ 1.500 - 2.000 ha. Chú trọng đầu tư thâm canh cao, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật mới, xây dựng mô hình sản xuất công nghệ cao, sản xuất theo hướng rau an toàn, rau sạch, hoa cao cấp đáp ứng nhu cầu đời sống dân cư đô thị, khu công nghiệp tập trung.

#### 2.3.2.5. Phát triển chăn nuôi

- Chăn nuôi bò: Xây dựng đề án phát triển chăn nuôi bò thịt tại các huyện trọng điểm. Tăng cường ứng dụng tiên bộ kỹ thuật trong chăn nuôi. Chuyển diện tích đất cao hạn trồng màu không hiệu quả để trồng các giống cỏ mới phục vụ chăn nuôi.

- Chăn nuôi lợn: Chú trọng phát triển đàn lợn ngoại, lợn lai hình thành vùng chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá phục vụ nội tiêu và từng bước tham gia xuất khẩu.

- Chăn nuôi gia cầm: Từng bước đổi mới hệ thống chăn nuôi, giết mổ gia cầm theo hướng tập trung, công nghiệp. Giảm nhanh phương thức chăn nuôi nhỏ lẻ phân tán, thả rông trong nông hộ, khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp.

#### *2.3.2.6. Phát triển thủy sản*

Tập trung chỉ đạo quản lý và tiếp tục có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cải tạo mặt nước chưa sử dụng, chuyển đổi đất úng trũng trồng lúa kém hiệu quả (khoảng 1.000 - 1.500 ha) để phát triển nuôi trồng thủy sản. Đưa các giống thủy sản mới chất lượng tốt, có giá trị kinh tế cao vào sản xuất. Hướng dẫn kỹ thuật nuôi, phòng trị bệnh nhất là vùng nuôi thủy sản tập trung. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về sản xuất và cung ứng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

#### *2.3.2.7. Phát triển lâm nghiệp*

- Xây dựng và triển khai đề án trồng cây lấy gỗ cung cấp nhu cầu gỗ gia dụng chế biến xuất khẩu diện tích 5 - 6 ngàn ha.

- ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật trong khâu sản xuất giống; thâm canh theo đúng kỹ thuật để trồng rừng sản xuất. Đối với cây lấy gỗ trồng bằng các loài cây sinh trưởng nhanh có chu kỳ kinh doanh từ 10 - 20 năm. Rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, quản lý và sử dụng rừng bền vững. Hàng năm có biện pháp tích cực phòng chống cháy rừng, ngăn chặn các vụ vi phạm lâm luật.

#### *2.3.3. Công tác thủy lợi*

- Tiến hành rà soát điều chỉnh quy hoạch hệ thống công trình thủy nông giai đoạn 2006 - 2010.

- Chú trọng đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống đê, kè, cống, các công trình thủy lợi đầu mối hiện có. Xây dựng hệ thống hồ đập, trạm bơm tưới vùng đòi theo hướng đa mục tiêu.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các công trình thủy lợi. Từng bước chuyển giao quyền quản lý sử dụng và khai thác công trình thủy lợi nằm gọn trong phạm vi đơn vị hành chính xã cho người dân theo chương trình PIM của Chính Phủ.

### ***2.3.4. Công tác dịch vụ sản xuất nông nghiệp***

Đổi mới hệ thống dịch vụ sản xuất nông nghiệp phục vụ cho sản xuất hàng hoá, cụ thể từng lĩnh vực:

- Ngành nông nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm khảo nghiệm sản xuất và tổ chức cung ứng các loại giống cây, con, thủy sản chất lượng cao. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia dịch vụ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản, vật tư nông lâm nghiệp. Đổi mới phương thức nâng cao chất lượng hoạt động các dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, thủy lợi; sản xuất, kinh doanh vật tư nông lâm nghiệp theo hướng xã hội hoá.

- Phối hợp với Công ty Supe phát phát hoá chất Lâm Thao tiếp tục mở rộng hình thức bán phân bón trả chậm cho nông dân.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung gần các khu công nghiệp, khu tập trung đông dân cư Việt Trì, Bãi Bằng, Supe Lâm Thao, Thanh Ba,... (dự kiến 5 - 8 lò tập trung) và 8 - 10 lò mổ thủ công, bán công nghiệp tại các huyện, thị.

- Tiếp tục củng cố, đổi mới tăng năng lực hệ thống khuyến nông, khuyến lâm và khuyến ngư theo tinh thần Nghị Quyết 15/NQ-TU ngày 23/7/1999 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

### ***2.3.5. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ và cơ giới hoá trong nông nghiệp***

- Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với vùng sinh thái của tỉnh. Đưa vào sử dụng rộng rãi các giống lai có năng suất, chất lượng cao. ứng dụng có hiệu quả các đề tài nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất; ứng dụng các loại máy móc trang thiết bị phục vụ một số khâu trong sản xuất (làm đất, vận chuyển thu hoạch, bảo quản, chế biến nông lâm sản, cho ăn tự động trong chăn nuôi, tưới phun tự động...).

- Liên kết với các cơ sở sản xuất giống Trung ương, phối hợp các Viện nghiên cứu khoa học kỹ thuật, các đối tác nước ngoài để sản xuất giống cây, con, thủy sản mới có năng suất, chất lượng bổ sung vào cơ cấu giống ưu tiên đầu tư phát triển của tỉnh.

### ***2.3.6. Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp - nông thôn***

#### ***2.3.6.1. Phát triển cơ sở hạ tầng***

Trên cơ sở quy hoạch phát triển giai đoạn 2006 - 2010 của các ngành kinh tế - kỹ thuật, tập trung phát triển cơ sở hạ tầng để công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp - nông thôn như: Điện, giao thông, nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn,

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, phát triển nông thôn mới,... Xây dựng cơ cấu kinh tế nông thôn hợp lý về lao động và tăng giá trị sản phẩm dịch vụ.

- Củng cố quan hệ sản xuất nông nghiệp - nông thôn: Nâng cao hiệu quả của các hợp tác xã nông nghiệp, giải thể các hợp tác xã yếu kém, tồn tại hình thức. Thành lập mới từ 8 - 10 hợp tác xã chuyên ngành (Hợp tác xã thủy sản, Hiệp hội chăn nuôi lợn thịt, bò thịt,...). Khuyến khích hình thành các tổ hợp tác xã chuyên ngành, tổ dịch vụ giúp hộ xã viên phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

### 2.3.6.2. Nhu cầu vốn và dự kiến phân nguồn vốn đầu tư

#### a) Nhu cầu vốn đầu tư: 2.242 tỷ đồng

Thực hiện có hiệu quả các công trình, dự án chuyển tiếp: Dự án Đền Hùng; Dự án 661; Dự án vùng chậm lũ; các dự án thủy lợi đê điều, kè, cống; Dự án Nước sạch - Vệ sinh môi trường nông thôn.

- Đối với các chương trình dự án đầu tư mới tập trung: 2.128 tỷ đồng

+ Công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn: 2.108 tỷ đồng, trong đó: Các dự án thủy lợi 736,2 tỷ đồng; chương trình vùng chậm lũ Tam Thanh 516,5 tỷ đồng; các công trình khắc phục hậu quả thiên tai 284,7 tỷ đồng; chương trình định canh định cư, xây dựng mô hình thí điểm nông thôn mới cấp xã 100 tỷ đồng; công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn 151,3 tỷ đồng; các công trình khác 319,3 tỷ đồng (hạ tầng thủy sản, cầu, đường).

+ Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành nông nghiệp 20 tỷ đồng.

Giải pháp thực hiện xây dựng cơ bản: Thực hiện chặt chẽ, đảm bảo chất lượng và đúng trình tự thủ tục đầu tư theo luật định, tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng trong xây dựng. Bố trí đủ vốn đối ứng để tranh thủ nguồn lực dự án vay vốn nước ngoài. Chủ động đề xuất và tranh thủ nguồn lực từ các Bộ, ngành Trung ương. Thực hiện lồng ghép các nguồn lực để tăng hiệu quả trong đầu tư.

- Các dự án khoa học - công nghệ ưu tiên: 32,5 tỷ đồng.

- Kinh phí hỗ trợ các chương trình sản xuất trọng điểm: 81,5 tỷ đồng.

#### b) Dự kiến phân nguồn vốn

- Các dự án xây dựng cơ bản: 2.128 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh 146,1 tỷ đồng (Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất 20 tỷ đồng; các dự án công trình thủy lợi 120,6 tỷ đồng, hạ tầng nuôi thủy sản 5,5 tỷ đồng); nguồn hỗ trợ có mục tiêu và Quyết định của Thủ tướng 918,4 tỷ đồng; ngân sách Trung ương 569,6 tỷ đồng; vốn nước ngoài 444,9 tỷ đồng; vốn dân đóng góp 49 tỷ đồng (nước sạch 16,9 tỷ đồng, nông thôn mới 30 tỷ đồng, cơ sở hạ tầng thủy sản 2,1 tỷ đồng).

- Các dự án khoa học công nghệ ưu tiên: 32,5 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách tỉnh 11,1 tỷ đồng; ngân sách Trung ương 4 tỷ đồng; liên doanh, liên kết 9,4 tỷ đồng; vốn vay 8 tỷ đồng.

- Kinh phí hỗ trợ các chương trình sản xuất trọng điểm: 81,5 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 37,6 tỷ đồng; ngân sách tỉnh 43,9 tỷ đồng.

### ***2.3.7. Xúc tiến xây dựng mở rộng thị trường, bảo vệ thương hiệu sản phẩm nông nghiệp***

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại tìm kiếm và mở rộng thị trường. Tăng cường quản lý chất lượng nông lâm sản, đăng ký và bảo vệ thương hiệu sản phẩm (chè, Bưởi Đoan Hùng).

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg ngày 24/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu thụ nông lâm sản cho nông dân thông qua ký kết hợp đồng (2 sản phẩm thực hiện chủ yếu là chè và nguyên liệu giấy).

- Củng cố mạng lưới chợ hiện có, trong đó hình thành 2 - 4 chợ đầu mối tiêu thụ nông sản hàng hoá (chợ đầu mối chè, bò, thủy sản,...).

- Tăng cường công tác thông tin và dự báo thị trường đáp ứng yêu cầu định hướng đầu tư phát triển sản xuất. Thực hiện hiệu quả dự án 95 (Teletext) do Bộ Nông nghiệp và PTNT đầu tư trên địa bàn tỉnh.

### ***2.3.8. Bổ sung, sửa đổi, nghiên cứu ban hành các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất***

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách tỉnh đã ban hành; xem xét điều chỉnh chính sách hỗ trợ cho cán bộ khuyến nông cơ sở.

- Nghiên cứu ban hành các chính sách mới khuyến khích phát triển sản xuất nông lâm nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 gồm: Chính sách hỗ trợ chương trình phát triển chăn nuôi bò thịt; khuyến khích phát triển cây lấy gỗ; khuyến khích thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông lâm nghiệp; hỗ trợ phát triển hợp tác xã, kinh tế trang trại đối với những hộ đủ tiêu chí theo quy định.

### ***2.3.9. Đào tạo lao động và sử dụng nguồn nhân lực***

- Trong những năm tới tập trung đào tạo và nâng cao chất lượng, nội dung và đa dạng hoá các loại hình và ngành nghề đào tạo, chú trọng đào tạo các ngành kỹ

thuật tập trung cho các chương trình nông lâm nghiệp trọng điểm của tỉnh, các ngành nghề (trồng trọt, chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật, thủy sản, chế biến nông sản,...).

- Thông qua công tác khuyến nông, xây dựng mô hình trình diễn đẩy mạnh tập huấn, đào tạo tại chỗ để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người sản xuất.

### ***2.3.10. Tăng cường quản lý nhà nước về nông, lâm nghiệp - thủy sản***

Nâng cao vai trò quản lý nhà nước về tổ chức chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển nông, lâm nghiệp - thủy sản giai đoạn 2006 - 2010, kế hoạch ngắn hạn hàng năm, các chương trình nông lâm nghiệp trọng điểm đề ra, các pháp lệnh về thú y, bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi và dịch vụ vật tư nông lâm nghiệp, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái.

**Điều 2:** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3:** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khoá XVI, kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 12 tháng 5 năm 2006./.

**CHỦ TỊCH**

**Ngô Đức Vượng (đã ký)**